TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: **116** /2025/HNGĐ - ST
Ngày 06 /6/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản, Yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Huệ
Ông Lê Đình Ty
-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án
Tòa án nhân dân huyện Nga S.
- Đại diện Viện kiểm sát ND nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 114/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, Yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H. Sinh năm 1983.Địa chỉ: Khu P C, thị trấn H L, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

2/ Bị đơn: Anh Trịnh Minh T. Sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu P C, Thị trấn H L, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ông Trịnh Ngọc T, sinh năm 1952

3.2/ Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: Khu P C, Thị trấn H L, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

3.3/ UBND huyện H L, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh H - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện H L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Cao S - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện H L; Vắng mặt.

3.4/ UBND thị trấn H L, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Tr - Chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn H L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H Xuân H - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị trấn H L; Vắng mặt.

3.5/ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H L, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn D - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H Bá Ph - Chức vụ: Phó Giám đốc; Vắng mặt.

4/ Người làm chứng:

Ông Vũ Văn T. Sinh năm 1957

Địa chỉ: Khu phố Th X, th tr H L, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

*Về hôn nhân: Chị H và anh Trịnh Minh T kết hôn tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại UBND xã L T (nay là thị trấn H L), huyện H L, tỉnh Thanh Hóa ngày 21/9/2006. Sau khi kết hôn chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ cH thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ cH căng thẳng, mệt mỏi. Nay xét thấy tình cảm vợ cH không còn. Mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn anh Trịnh Minh T.

*Về con chung: Vợ cH có hai con chung là Trịnh Việt A, sinh ngày 05/9/2007 và Trịnh Gia B, sinh ngày 10/8/2011.

Ly hôn chị H đề nghị được nuôi hai con, yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Về tài sản chung: Vợ cH có tài sản chung:

+ 01 thửa đất diện tích 147 m^2 tại thửa đất số 1.262, tờ bản đồ số 10 địa chỉ: Khu Tân Đồng, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 131497, số vào sổ cấp GCN: CH 01897 được UBND huyện H L cấp ngày 13/11/2019 trị giá khoảng 735.000.000 đồng. Trên đất có nhà cấp 4 trị giá khoảng 180.000.000 đồng. Tổng giá trị đất và nhà 915.000.000 đồng. Đề nghị giải quyết cho chị được nhận tài sản này để lấy nơi ăn ở sinh hoạt và có trách nhiệm trả cho anh T giá trị chệnh lệch.

+ 01 thửa đất diện tích 200 m^2 tại thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13 địa chỉ: Khu P C, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 006995, số vào sổ cấp GCN: H01413 được UBND huyện H L cấp ngày 20/6/2007 trị giá khoảng 1.000.000.000 đồng. Trên đất có nhà cấp 4 trị giá khoảng 500.000.000 đồng. Tổng giá trị đất và nhà khoảng 1.5000.000.000 đồng. Nguồn gốc là của anh T có trước khi kết hôn. Sau khi chị và anh T kết hôn năm 2006 thì đến năm 2007 anh T đã đồng ý nhập vào tài sản vào tài sản chung của vợ cH và làm sổ đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai vợ cH là của hộ Trịnh Minh T và Nguyễn Thị H. Đề nghị giải quyết phân chia theo quy định của pháp luật.

+ 01 chiếc xe ô tô BKS 36A-781.82, nhãn hiệu HUYNDAI màu trắng, Số loại SANTAFE, SK: RLUSV813DKN002967, SM: G4KJKA304778 mua năm 2022

đứng tên đăng ký xe anh Trịnh Minh T. Trị giá khi mua 950.000.000 đồng do anh T đang sử dụng. Đề nghị phân chia theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, quá trình sinh sống cùng bố mẹ cH, chị H có đóng góp vào việc tu sửa nhà cùng ông bà gồm: xây dựng thêm 01 phòng thờ ở tầng 3, lát gạch men sân thượng, lát lại sân, làm lại cổng, S lại toàn bộ ngôi nhà, sửa lại nền nhà với chi phí khoảng 50 triệu đồng; mua sắm các đồ nội thất trong gia đình (bàn ghế, đồng hồ cây và nhiều vật dụng khác) với chi phí khoảng 52 triệu đồng. Tuy nhiên, hiện tại chị không còn lưu giữ hóa đơn mua hàng nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Chị H đề nghị Tòa án xem xét phần đóng góp nêu trên đảm bản quyền lợi cho chị.

*Về công nợ chung: Vợ cH có nợ bố mẹ cH ông Trịnh Ngọc T và bã Vũ Thị Th số tiền 472.000.000 đồng. Đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả nợ.

- Ngày 13/5/2022 vợ cH có ký Hợp đồng tín dụng số 83448720 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh Bắc Thanh Hóa - Phòng giao dịch H L vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Từ năm 2020 đến nay đã trả được 800.000.000 đồng. Số nợ còn lại 200.000.000 đồng. Đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả nợ.

2. Theo bị đơn anh Trịnh Minh T trình bày:

*Về hôn nhân: Công nhận mối quan hệ hôn nhân đúng như chị H trình bày. Anh và chị H đăng ký kết hôn tại UBND xã L Tân (nay là thị trấn H L), huyện H L, tỉnh Thanh Hóa ngày 21/9/2006. Sau khi kết hôn chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ cH thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ cH căng thẳng. Nay xét thấy tình cảm vợ cH không còn. Chị H đề nghị ly hôn anh cũng đồng ý.

*Về con chung: Vợ cH có hai con chung là Trịnh Việt A, sinh ngày 05/9/2007 và Trịnh Gia B, sinh ngày 10/8/2011. Ly hôn anh T đề nghị được nuôi hai con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng. Tr hợp chị H không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết mỗi người nuôi một con. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

*****Về tài sản:

+ 01 thửa đất diện tích 147 m^2 tại thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 10 địa chỉ: Khu Tân Đồng, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 131497, số vào sổ cấp GCN: CH 01897 được UBND huyện H L cấp ngày 13/11/2019. Đề nghị giải quyết chia đôi tài sản trên bằng hiện vật.

+ 01 thửa đất diện tích 200 m^2 tại thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13 địa chỉ: Khu P C, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 006995, số vào sổ cấp GCN: H01413 được UBND huyện H L cấp ngày 20/6/2007. Đây là tài sản của bố mẹ anh là ông Trịnh Ngọc T và bà Vũ Thị Th mua ghi tên anh trước khi kết hôn (mua năm 2003). Năm 2006 anh đăng ký kết hôn với cô H. Đến năm 2007 khi kết hôn xong thì UBND huyện căn cứ vào giấy nộp tiền ghi tên anh trước đó đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của hộ ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị H. Đây không phải tài sản tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân, không phải tài sản chung nên không đồng ý phân chia theo yêu cầu của chị H.

+ 01 chiếc xe ô tô BKS 36A-781.82, nhãn hiệu HUYNDAI màu trắng, Số loại SANTAFE, SK: RLUSV813DKN002967, SM: G4KJKA304778 mua năm 2022

đứng tên đăng ký xe anh Trịnh Minh T. Trị giá hiện tại còn khoảng 750.000.000 đồng. Đề nghị chia theo quy định của pháp luật.

* Về công nợ chung: Vợ cH có nợ bố mẹ cH ông Trịnh Ngọc T và bà Vũ Thị Th số tiền 472.000.000 đồng. Đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả nợ.

- Ngày 13/5/2022 vợ cH có ký Hợp đồng tín dụng số 83448720 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh Bắc Thanh Hóa - Phòng giao dịch H L vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Từ năm 2020 đến nay đã trả được 800.000.000 đồng. Số nợ còn lại 200.000.000 đồng. Số tiền còn nợ hai vợ cH đang thu xếp tất toán cho ngân hàng, nên không yêu cầu giải quyết.

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ý kiến của ông Trịnh Ngọc T/ bà Vũ Thị Th:

Đối với thửa đất diện tích 200 m^2 tại thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13 địa chỉ: Khu P C, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 006995, số vào sổ cấp GCN: H01413 được UBND huyện H L cấp ngày 20/6/2007 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hộ ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị H. Đây là tài sản của vợ cH ông T bà Th mua ghi tên con trai là Trịnh Minh T trước khi kết hôn (năm 2003), năm 2005 vợ cH ông làm nhà kiên cố 3 tầng ở cho đến nay không có gì thay đổi. Năm 2006 anh T đăng ký kết hôn với chị H. Đến năm 2007 khi kết hôn xong thì UBND huyện căn cứ danh sách cấp đất ghi tên anh T trước đó đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hộ ông Trịnh Minh T và vợ là Nguyễn Thị H. Theo quy định, sau khi mua đất thì phải được cấp giấy CNQSD đất. Tuy nhiên do công tác làm sổ đỏ chậm so với quy định nên không được cấp Giấy CNQSD đất mà đến năm 2007 mới được cấp giấy. Việc cấp giấy chứng nhận mang tên hộ anh T và chị H là không đúng vì thời điểm năm 2007 không có hộ anh T, chị H vì thời điểm đó chỉ có hộ Trịnh Ngọc T. Mặt khác, vợ cH ông T , bà Th không làm thủ tục tặng cho chị H và anh T. Sau khi nhận được giấy chứng nhận QSD đất, bà Th đem cất, không xem kỹ sổ đỏ là tên ai. Do đó vào năm 2015 khi vay tiền ngân hàng anh T và chị H đã mượn trích lục đất để thế chấp ngân hàng đến tháng10/2023 đã trả lại trích lục cho ông T, bà Th. Ông T, bà Th khẳng định đây là tài sản của ông T, bà Th, có trước khi anh T và chị H kết hôn, không phải tài sản chung của anh T, chị H. Do vậy chị H đề nghị đưa ra yêu cầu phân chia, ông T bà Th không đồng ý. Đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho sai cho hộ ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị H. Đồng thời cấp lại đúng đối tượng theo hồ sơ gốc đảm B quy định pháp luật.

Việc chị H trình bày có đóng góp sửa chữa tài sản là ngôi nhà 3 tầng là hoàn toàn sai vì không có chứng cứ chứng minh. Vì toàn bộ là do vợ cH ông T bà Th sửa chữa.

- Về công nợ: Năm 2009 vợ cH anh T, chị H và và ông bà góp tiền mua chung mảnh đất trên huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa với giá 50.000.000 đồng (tiền của vợ cH chị H, anh T 30.000.000 đồng, tiền của ông bà 20.000.000 đồng). Đến năm 2022 anh T chị H đã bán khu đất này được số 1.950.000.000 đồng. Sau đó vợ cH chị H, anh T và ông bà đã thỏa thuận thống nhất, chị H, anh T nợ tiền của ông bà số tiền

472.000.000 đồng tiền chung đất. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ cH anh T, chị H trả nợ cho ông bà.

3.2 Ý kiến của UBND thị trấn H L:

* Tại công văn 91/UBND ngày 29/8/2023 của UBND thị trấn H L trả lời bà Vũ Thị Th về việc giải quyết cấp sai đối tượng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo nội dung công văn: Ngày 23/8/2023 UBND thị trấn tổ chức hội nghị các thành phần tham gia hội nghi đã làm rõ nguồn gốc thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13, diện tích 200 m^2 loại đất là đất ở. Địa chỉ thửa đất thôn P C, xã L Tân cũ, nay là khu P C, thị trấn H L, huyện H L. Nguồn gốc đất được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, người nộp tiền là bà Vũ Thị Th. Đến ngày 20/6/2007 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 006995 số vào sổ H 01413. Tên người sử dụng đất trong giấy chứng nhận là hộ ông Trịnh Minh T sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1983. Hồ sơ cấp giấy theo danh sách cấp đồng loạt do UBND xã L Tân lập danh sách đề nghị cấp giấy chứng nhận QSD đất. Về nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

3.3 Ý kiến của UBND huyện H L:

Tòan bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 006995 số vào sổ H 01413. Tên người sử dụng đất trong giấy chứng nhận là hộ ông Trịnh Minh T sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1983; Địa chỉ thửa đất thôn P C, xã L T cũ, nay là khu P C, thị trấn H L, huyện H L, hiện nay đã chuyển đến Văn phòng quản lý đất đai , chi nhánh huyện H L, do đó đề nghị Tòa án liên hệ với văn phòng quản lý đất đai huyện để thu thập.

3.4 Ý kiến của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H L:

Thửa đất số 210 tờ bản đồ số 13 tại khu P C, thị trấn H L, huyện H L theo GCN QSD đất số AI 006995, số vào sổ cấp GCN: H 01413 được UBND huyện H L cấp ngày 20/6/2007 và tài sản trên đất:

- Nguồn gốc sử dụng :

+ Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá QSD đất năm 2003 và đã được cấp GCN QSD đất năm 2007.

+ Thửa đất là tài sản của ông Trịnh Ngọc T và bà Vũ Thị Th từ năm 2003. Tại thời điểm cấp GCN QSD đất năm 2007 UBND xã L Tân (cũ) nay thuộc UBND thị trấn H L lập hồ sơ đề nghị UBND huyện H L cấp GCN QSD đất mang tên Hộ ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị H (thời điểm ông T và bà H đã kết hôn)

Căn cứ nội dung hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H L xác định tài sản nêu trên được hình thành trước thời kỳ hôn nhân của ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị H. Hiện tại Giấy chứng nhận QSD đất mang tên Hộ ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị H.

4.Người làm chứng:

*Ý kiến của ông Vũ Văn T: Năm 2003, sau khi có kế hoạch mặt bằng đất ở được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt. Hội đồng xét cấp đất ở xã L Tân, mở hội

nghị xét cấp đất cho 17 hộ tại khu vực sứ đồng Cống 5 (giờ thuộc Khu P C, thị trấn H L). Trong 17 hộ được xét có hộ ông Trịnh Ngọc T (Bố đẻ ông Trịnh Minh T) được cấp một xuất. Nhưng tại thời điểm đấy ông T và ông Trịnh Văn Viên (em trai ông T) có một thửa đất của ông bà để lại chưa phân chia cho ai ông T muốn đứng tên trên thửa đất của ông bà để lại. Nên ông T đề nghị hội đồng xét cấp đất ở xã L Tân ghi tên anh Trịnh Minh T con trai ông T (Khi đó anh T đang học đại học không có mặt ở nhà). Sau đó người nộp tiền cấp quyền cho thửa đất là bà Vũ Thị Th (vợ ông Trịnh Ngọc T). Cùng năm 2003 tôi làm hồ sơ đề nghị UBND huyện H L ra quyết định cấp đất ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13, diện tích 200m^2 tại xã L Tân, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa, đứng tên ông Trịnh Minh T. Sau khi chuyển hồ sơ đề nghị lên UBND huyện H L thì UBND huyện H L ra quyết định cấp đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng mãi đến năm 2007 UBND huyện mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi lập hồ sơ tôi chỉ ghi tên ông Trịnh Minh T trong danh sách cấp đất còn sau này UBND huyện H L lại ghi là "Hộ ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị H" tôi hoàn toàn không biết. Tôi chỉ được biết thời điểm năm 2007 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H L cấp thường ghi là "Hộ ông hoặc Hộ bà". Năm 2012 khi tôi chuyển công tác sang UBND thị trấn H L làm việc. Tôi đã bàn giao toàn bộ hồ sơ giấy tờ về đất đai cho UBND xã L Tân nên không còn lưu giữ tài liệu gì. Hiện nay UBND xã L Tân đã sát nhập với UBND thị trấn H L. Nay đề nghị Tòa án căn cứ các tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án đúng quy định, đảm B quyền lợi ích cho các bên đương sự.

5. Kết quả thẩm định, định giá tài sản:

Về đất: + 01 thửa đất diện tích 147 m^2 tại thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 10 địa chỉ: Khu Tân Đồng, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 131497, số vào sổ cấp GCN: CH 01897 được UBND huyện H L cấp ngày 13/11/2019 và tài sản trên đất trị giá theo giá thị Tr 3.523.000.000 đồng.

+ Thửa đất diện tích 200 m^2 tại thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13 địa chỉ: Khu P C, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 006995, số vào sổ cấp GCN: H01413 được UBND huyện H L cấp ngày 20/6/2007. Trên đất có nhà 3 tầng. Trị giá theo giá thị Tr của khu đất là 3.860.000.000 đồng.

Tài sản trên đất:

Nhà 03 tầng bê tông cốt thép không yêu cầu về việc thẩm định giá.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự có ý kiến đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13, diện tích 200 m^2 địa chỉ: Khu P C, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 006995, số vào sổ cấp GCN: H01413 được UBND huyện H L cấp ngày 20/6/2007. Mang tên hộ ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị H, và khoản nợ của ngân hàng như sau:

Ý kiến chị H: Đây là tài sản chung của vợ cH, đề nghị phân chia theo quy định của pháp luật.

Ý kiến anh T: Đây là tài sản của ông T, bà Th, không đồng ý phân chia.

Ý kiến ông T, bà Th: Là tài sản ông bà bỏ tiền ra mua trước khi chị H anh T kết hôn, không phải của anh T, chị H. Nhưng do các cơ quan nhà nước cấp sai đối tượng, nên ông Tung và bà Th yêu cầu Tòa án "Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 006995, số vào sổ cấp GCN: H01413 được UBND huyện H L cấp ngày 20/6/2007 cho anh T và chị H.

- Đối khoản nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh Bắc Thanh Hóa. Chị H và anh T công nhận khoản tiền trên hai bên đã tất toán cho Ngân hàng, nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

6. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại đơn khởi kiện phần công nợ chung nguyên đơn có yêu cầu giải quyết khoản nợ chung của vợ cH đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Mam – Chi nhánh Bắc Thanh Hóa - Phòng giao dịch H L nhưng Tòa án không đưa Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn anh Trịnh Minh T; Về con chung: Giao cháu Trịnh Việt A cho anh T, giao cháu Trịnh Gia B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của vợ cH đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13, diện tích 200m^2 đất ở, địa chỉ tại khu P C, thị trấn H L, huyện H L vì xác định đây không phải tài sản chung của chị H và anh T trong thời kỳ hôn nhân mà là tài sản của ông T, bà Th.

- Chấp nhận phân chia tài sản chung của vợ cH trong thời kỳ hôn nhân đối với những tài sản sau: 01 xe ôtô Santaphe giá trị còn lại là 750.000.000đ, giao cho anh Trịnh Minh T được quyền sở hữu và phải có nghĩa vụ chênh lệch lại cho chị H ½ giá trị là 375.000.000đ. Giao cho chị Nguyễn Thị H được sử dụng thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 10 có diện tích là 147m2 và toàn bộ tài sản trên đất tại khu Tân Đồng, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 131497, số vào sổ cấp GCN: CH 01897 được UBND huyện H L cấp ngày 13/11/2019. Chị H phải chênh lệch lại ½ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho anh T là 1.761.500.000đ.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Ngọc T và bà Vũ Thị Th về hủy giấy CNQSDĐ số do UBND huyện H L cấp ngày 20/6/2007 mang tên hộ ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị H. đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13, diện tích 200m^2. Buộc ông Trịnh Ngọc T và bà Vũ Thị Th có nghĩa vụ thanh toán tiền công sức duy trì, B quản tài sản cho chị Nguyễn Thị H trong suốt thời gian chị chung sống với gia đình ông bà.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về khoản nợ Ngân hàng công thương do nguyên đơn có đơn xin rút và bị đơn cũng đồng ý. Buộc anh T, chị H mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông T, bà Th số tiền nợ là 236.000.000đ

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật. Trừ những Tr hợp được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Minh T là tranh chấp dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn P C, thị trấn H L, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa nên giai đoạn đầu thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H L tỉnh Thanh Hóa là đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 006995, số vào sổ cấp GCN: H01413 do UBND huyện H L cấp ngày 20/6/2007 mang tên chủ sử dụng là hộ ông Trịnh Minh T, bà Nguyễn Thị H. Đây là yêu cầu hủy quyết định cá biệt trong vụ án dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo đúng quy định tại Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính.

[2]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, như tống đạt văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với các đương sự theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, UBND thị trấn H L, UBND huyện H L, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H L vắng mặt, nên HĐXX căn cứ khoản 1 khoản 3 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nhưng người này

Đối với yêu cầu giải quyết công nợ trong đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu giải quyết khoản nợ chung của vợ cH đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Mam – Chi nhánh Bắc Thanh Hóa - Phòng giao dịch H L, nhưng Tòa án nhân dân huyện H L không đưa Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên đến giai đoạn Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết thì các đương sự đã tất toán xong khoản nợ này, nên không cần thiết phải đưa Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về nội dung vụ án:

3.1/ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L Tân (nay là thị trấn H L), huyện H L ngày 21/9/2006, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H, sau khi kết hôn vợ cH chung sống hạnh Pc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ cH thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ cH căng thẳng, mệt mỏi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ cH không còn khả năng hàn gắn được nữa, nên chị đề nghị được ly hôn anh T. Quan điểm của anh T xét thấy quan hệ hôn nhân không hạnh Pc, tình cảm vợ cH không còn, nên anh T cũng thống nhất ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ cH anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên HĐXX chấp nhận đề nghị của anh T và chị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trịnh Minh T.

3.2/ Về con chung: Chị H và anh T xác định: Vợ cH có 02 con chung, Trịnh Việt A, sinh ngày 05/9/2007 và Trịnh Gia B, sinh ngày 10/8/2011. Xét thấy việc đề nghị của chị H và anh T, trên cơ sở nguyện vọng của các cháu khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng chấp nhận: Giao cháu Trịnh Gia B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Việt A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[4] Về tài sản:

[4.1] Theo chị H trình bày tài sản chung của vợ cH gồm:

+ 01 thửa đất diện tích 147 m^2 tại thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 10 địa chỉ: Khu Tân Đồng, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 131497, số vào sổ cấp GCN: CH 01897 được UBND huyện H L cấp ngày 13/11/2019.

+ 01 thửa đất diện tích 200 m^2 tại thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13 địa chỉ: Khu P C, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 006995, số vào sổ cấp GCN: H01413 được UBND huyện H L cấp ngày 20/6/2007.

+ 01 chiếc xe ô tô BKS 36A-781.82, nhãn hiệu HUYNDAI màu trắng, Số loại SANTAFE, SK: RLUSV813DKN002967, SM: G4KJKA304778 mua năm 2022 đứng tên đăng ký xe anh Trịnh Minh T. Trị giá hiện tại còn khoảng 750.000.000 đồng.

- Vợ cH có nợ bố mẹ cH ông Trịnh Ngọc T và bà Vũ Thị Th số tiền 472.000.000 đồng.

Chị H đề nghị được quyền sử dụng thửa đất số 1262 , đối với thửa đất số 210 và chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI màu trắng, Số loại SANTAFE, chị đề nghị chia theo quy định của pháp luật, đối với khoản nợ của ông T và bà Th, chị đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả nợ.

[4.2] Theo anh T trình bày tài sản chung của vợ cH gồm:

+ Thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 10, diện tích 147 m^2 địa chỉ: Khu Tân Đồng, thị trấn H L, huyện H L

+ 01 chiếc xe ô tô BKS 36A-781.82, nhãn hiệu HUYNDAI màu trắng, Số loại SANTAFE,

- Về công nợ chung: Vợ cH có nợ bố mẹ cH ông Trịnh Ngọc T và bà Vũ Thị

Th số tiền 472.000.000 đồng. Anh T đề nghị chia tài sản theo quy định của pháp luật, riêng khoản nợ anh đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả nợ.

* Riêng đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13, diện tích 200 m^2 địa chỉ: Khu P C, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 006995, số vào sổ cấp GCN: H01413 được UBND huyện H L cấp ngày 20/6/2007. Và tài sản trên đất, là tài sản riêng của ông Trịnh Ngọc T và bà Vũ Thị Th, nên anh T không công nhận là tài sản chung của vợ cH, không đồng ý chia tài sản này.

[4.3] Quan điểm của ông Trịnh Ngọc T và bà Vũ Thị Th, đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13, diện tích 200 m^2 địa chỉ: Khu P C, thị trấn H L, huyện H L là tải sản riêng của ông bà, nhưng khi chính quyền địa Ph làm giấy chứng nhận lại ghi tên hộ ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị H là sai, nên ông T và bà Th đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 006995, số vào sổ cấp GCN: H01413 được UBND huyện H L cấp ngày 20/6/2007. Để trả lại cho ông T và bà Th.

- Xét yêu cầu của ông T và bà Th thấy rằng: Về nguồn gốc đất ông Trịnh Ngọc T và bà Vũ Thị Th được cấp năm 2003 vì lý do cá nhân nên UBND xã L Tân không ghi tên ông mà ghi tên anh Trịnh Minh T (con trai ông T), thời điểm này anh T đang đi học, người nộp tiền đất là bà Vũ Thị Th. Đến năm 2005 thì ông T và bà Th làm nhà sinh sống trên khu đất nêu trên cho đến nay. Năm 2006 anh T kết hôn chị H, năm 2007 được cấp giấy CNQSDĐ. Do đó tài sản này nguồn gốc hình thành trước hôn nhân của chị H và anh T.

- Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Đứng tên hộ anh Trịnh Minh T và bà Vũ Thị H. Xét thấy giấy chứng nhận cấp quyền sử dụng đất là cấp lần đầu, không có hợp đồng tặng cho hay chuyển nhượng gì. Khi nhận giấy CNQSDĐ ông T và bà Th quản lý giấy chứng nhận (nhưng sơ suất là không xem rõ trong giấy ghi tên ai, khi chị H và anh T có nhu cầu vay ngân hàng cũng phải viết giấy mượn của ông T bà Th thể hiện quyền sở hữu của ông T và bà Th.

- Về thủ tục cấp giấy CNQSDĐ trong danh sách cấp đất của xã L Tân chỉ ghi tên ông Trịnh Minh T, không có tên bà Nguyễn Thị H, sau khi anh T kết hôn với chị H xong, hai vợ cH vẫn ở chung với ông T và bà Th, tại thời điểm năm 2007 sổ hộ khẩu của gia đình mang tên chủ hộ là ông Trịnh Ngọc T, còn anh T và chị H chỉ là thành viên trong gia đình chưa ra ở riêng. Hiện nay ông T và bà Th chỉ có duy nhất thửa đất nêu trên để sinh sống không còn chỗ ở nào khác.

- Lời khai của người làm chứng ông Vũ Văn T là người lập danh sách đề nghị UBND huyện H L cấp giấy, chỉ ghi tên ông Trịnh Minh T chứ không có tên bà Nguyễn Thị H. Nhưng khi cấp giấy CNQSDĐ thì UBND huyện H L lại ghi tên trong giấy CNQSDĐ là hộ ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị H. Như vậy UBND huyện H L cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa đất nêu trên là sai đối tượng. Do đó đủ cơ sở khẳng định tài sản đó không phải là tài sản chung của chị H và anh T. Nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị Nguyễn Thị H đối với thửa đất nêu trên.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn chị H và anh T có thời gian sống chung với ông T

và bà Th trong một thời gian dài, chị H đã có công sức đóng góp, duy trì, B quản tài sản cùng với gia đình ông T bà Th, Do đó cần xem xét buộc ông T bà Th trích cho chị H một khoản tiền công sức đóng góp, duy trì tài sản trong thời gian chung sống với gia đình.

Từ nhưng phân tích, đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông T và bà Th về việc Hủy giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13, diện tích 200 m^2 địa chỉ: Khu P C, thị trấn H L, huyện H L, mang tên hộ ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị H

[4.4] Đối với tài sản được xác định là tài sản chung gồm:

- 01 thửa đất diện tích 147 m^2 tại thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 10 địa chỉ: Khu Tân Đồng, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 131497, số vào sổ cấp GCN: CH 01897 được UBND huyện H L cấp ngày 13/11/2019 và tài sản trên đất, có trị giá **3.523.000.000đ.**

- 01 chiếc xe ô tô BKS 36A-781.82, nhãn hiệu HUYNDAI màu trắng, Số loại SANTAFE, SK: RLUSV813DKN002967, SM: G4KJKA304778 mua năm 2022 đứng tên đăng ký xe anh Trịnh Minh T. Trị giá hiện tại còn **750.000.000đ.**

Như vậy tổng giá trị tài sản của anh T và chị H là **4.273.000.000đ** *(Bốn tỷ, hai trăm bảy mươi ba triệu đồng),* anh T và chị H mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản. Nhưng anh T và chị H phải trả nợ cho ông T và bà Th số tiền **472.000.000đ** *(Bốn trăm bảy mươi hai triệu đồng).*

[4.5] Xem xét đề nghị của các đương sự HĐXX phân chia như sau:

Anh Trịnh Minh T được quyền sở hữu chiếc xe ô tô và có nghĩa vụ trả cho ông T, bà Th số tiền 472.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị H được sử dụng định đoạt thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 10 địa chỉ: Khu Tân Đồng, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 131497, số vào sổ cấp GCN: CH 01897 được UBND huyện H L cấp ngày 13/11/2019. Chị H trả tiền chênh lệch về tài sản cho anh T.

+ Đối với khoản nợ 1.000.000.000đ mà anh T và chị H đã vay ngày 13/5/2022 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh Bắc Thanh Hóa, trong quá trình giả quyết vụ án chị H và anh T xác nhận đã trả nợ xong cho Ngân hàng và không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó HĐXX Đình chỉ việc giải quyết việc vay nợ giữa chị H, anh T và Ngân hàng là phù hợp.

[5] Chi phí thẩm định: Chi phí thẩm định, định giá tài sản trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí có giá ngạch đối với số tiền phân chia tài sản chung được nhận; Anh T phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phân chia tài sản chung được nhận theo quy định của pháp luật. Ông Trịnh Ngọc T và bà Vũ Thị Th là người cao tuổi nên được miễn án phí DSST.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

***** Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Điều 158, 161, 210; 213 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều khoản 1 Điều 51,56, 58, 81, 82,83; Điều 29, 33; Điều 59; Điều 62 Luật HNGĐ năm 2014.

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm a, b khoản 1 Điều 24; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1.Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trịnh Minh T.

2.Về con chung: Giao cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 10/8/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Trịnh Việt A, sinh ngày 05/9/2007 cho anh Trịnh Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh T được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản:

3.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc phân chia tài sản chung đối với thửa đất số 210, diện tích 200 m^2 , tờ bản đồ số 13 địa chỉ: Khu P C, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 006995, số vào sổ cấp GCN: H01413 được UBND huyện H L cấp ngày 20/6/2007. Mang tên hộ ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị H.

3.2. Về việc phân chia tài sản và công nợ chung cụ thể như sau:

- Giao cho anh Trịnh Minh T được quyền sở hữu 01 chiếc xe ô tô BKS 36A-781.82, nhãn hiệu HUYNDAI màu trắng, Số loại SANTAFE, SK: RLUSV813DKN002967, SM: G4KJKA304778 mua năm 2022 đứng tên đăng ký xe anh Trịnh Minh T, trị giá **750.000.000đ** *(Bảy trăm năm mươi triệu đồng),* anh T có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Ngọc T, bà Vũ Thị Th số tiền **472.000.000đ** *(Bốn trăm bảy mươi hai triệu đồng).*

- Giao cho chị Nguyễn Thị H được sử dụng định đoạt thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 10 địa chỉ: Khu Tân Đồng, thị trấn H L, huyện H L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 131497, số vào sổ cấp GCN: CH 01897 được UBND huyện H L cấp ngày 13/11/2019. Trị giá **3.523.000.000đ** *(Ba tỷ, năm trăm hai mươi ba triệu đồng)*

- Chị H có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền **1.622.500.000đ** *(Một tỷ,sáu trăm hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng)*. Tiền chênh lệch về tài sản.

3.3 Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khoản nợ chung 1.000.000.000đ *(Một tỷ đồng)* mà anh T và chị H vay ngày 13/5/2022 của Ngân hàng TMCP Công thương

Việt nam – Chi nhánh Bắc Thanh Hóa. Vì chị H và anh T đã trả nợ xong cho Ngân hàng.

4. Chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Ngọc T và bà Vũ Thị Th: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 006995, số vào sổ cấp GCN: H01413 đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ số 13, diện tích 200 m^2 địa chỉ: Khu P C, thị trấn H L, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa, do UBND huyện H L cấp ngày 20/6/2007, mang tên hộ ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Trịnh Ngọc T và bà Vũ Thị Th chi trả cho chị Nguyễn Thị H một khoản tiền công sức đóng góp, duy trì B quản, tài sản là **200.000.000đ** *(Hai trăm triệu đồng).*

Ông Trịnh Ngọc T và bà Vũ Thị Th có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 78.730.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được trừ vào số tiền 38.125.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0005325, ngày 11/8/2023 Chị H còn phải nộp 40.905.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Anh Trịnh Minh T phải nộp 74.730.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

*Về chi phí tố tụng: Chị H đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định tài sản.

*Miễn toàn bộ tiền án phí cho ông Trịnh Ngọc T và bà Vũ Thị Th.

6.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7A và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Chuyên

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THA DS tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện H L;
- Lưu hồ sơ vụ án.